

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PICAS VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PICAS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PICAS VIETNAM INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PICAS VINA .,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109569482

**3. Ngày thành lập:** 26/03/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 25, Ngõ 11, Đường Tố Thanh Oai, Xã Tố Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989097226

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | In ấn<br>Chi tiết:<br>- In ấn bao bì và nhãn mác hàng hóa, các sản phẩm giới thiệu, biểu mẫu và các giấy tờ giao dịch của doanh nghiệp, tờ rơi, tờ gấp, catalogue, các loại giấy mời, giấy chúc mừng, bưu ảnh, bưu thiếp danh thiếp, giấy kẻ tập, vở học sinh, đóng, xén, kẻ giấy<br>- Gia công các sản phẩm in cho nhà sản xuất | 1811(Chính) |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1812        |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị khác<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                               | 3319        |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Bán buôn sản phẩm và linh kiện máy, máy in, máy photocopy, máy scan, máy chấm công, máy chiếu, thiết bị an toàn, thiết bị camera giám sát, máy điện thoại, tổng đài điện thoại                                                                                   | 4652        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, máy tính, viễn thông, truyền thanh, truyền hình, máy văn phòng, thiết bị chiếu sáng, thiết bị trồng chộm, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị tự động hóa                                            | 4659        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm quảng cáo, biển hộp mica, biển tấm lớn                                                                                                                                                                                                      | 4669        |
| 7.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                         | 4761        |

|     |                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                              | 4791 |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                    | 7310 |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tổ chức hội thảo, hội trợ triển lãm khai trương khánh thành, các lễ kỷ niệm<br>- Tổ chức các sự kiện: Sự kiện thể thao, sự kiện văn hóa, giao lưu gặp gỡ | 8230 |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh<br>- Cung cấp dịch vụ xử lý báo cáo văn bản và sao chép tốc ký                      | 8299 |
| 12. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                 | 2220 |
| 13. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                                                                    | 2816 |
| 14. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                | 2829 |
| 15. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                         | 3290 |
| 16. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                   | 3312 |
| 17. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                       | 3314 |
| 18. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                      | 3320 |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa                                                                                                                                                    | 4610 |
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                           | 4649 |
| 21. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                            | 5820 |
| 22. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                        | 6201 |
| 23. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                          | 6202 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                              | 6209 |
| 25. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                     | 1629 |
| 26. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                    | 1820 |
| 27. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                   | 4762 |
| 28. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                        | 8211 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết:<br>– Photo, chuẩn bị tài liệu<br>– Dịch vụ hỗ trợ thư ký;<br>– Bản ghi tài liệu và dịch vụ thư ký khác;<br>– Cung cấp dịch vụ thuê hộp thư thoại và dịch vụ chuyển phát thư khác (trừ quảng cáo thư trực tiếp);<br>– Dịch vụ gửi thư. | 8219 |
| 30. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                      | 4741 |
| 31. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4742 |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                  | 4773 |
| 33. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933 |
| 34. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5210 |
| 35. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5224 |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5225 |
| 37. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                             | 6820 |
| 38. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7320 |
| 39. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7410 |
| 40. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8292 |
| 41. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4101 |
| 42. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4102 |
| 43. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4221 |
| 44. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4222 |
| 45. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311 |
| 46. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312 |
| 47. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321 |
| 48. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322 |
| 49. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4329 |
| 50. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ VIỆT DŨNG \_\_\_\_\_ Giới tính: *Nam*  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: *30/09/1990* \_\_\_\_\_ Dân tộc: *Kinh* \_\_\_\_\_ Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: *186860695*  
Ngày cấp: *09/08/2013* \_\_\_\_\_ Nơi cấp: *Công an Tỉnh Nghệ An*  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 96 Đường Trần Quốc Hoàn, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *Số 96 Đường Trần Quốc Hoàn, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: \_\_\_\_\_ Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội